HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **14** /2021/NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 273/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định trên.

Điều 2. Mức tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại các kỳ thi theo quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC

1. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông;

2. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

3. Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố, cấp quận, huyện;

4. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

(Đính kèm Phụ lục I)

Điều 3. Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ

1. Nội dung, mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

a) Thi nghề phổ thông;

b) Kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở chương trình song ngữ tiếng Pháp;

c) Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố để chọn học sinh thi học sinh giỏi cấp quốc gia;

d) Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử;

đ) Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp;

e) Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

g) Hội thi đồ dùng dạy học tự làm;

h) Hội thi sáng tạo đồ dùng, đồ chơi dạy trẻ mầm non;

i) Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non;

k) Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;

l) Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi;

m) Các hội thi dành cho trẻ mầm non, học sinh, sinh viên;

(Đính kèm Phụ lục II)

2. Tiền công ra đề thi, chấm bài thi và chi cho công tác tập huấn các đội tuyển

a) Tiền công ra đề thi thử nghiệm kỳ thi Tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Tiền công ra đề thi, chấm bài thi đối với:

- Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông;

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quận, huyện, cấp thành phố;

- Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố để chọn học sinh thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

c) Chi cho công tác tập huấn các đội tuyển:

- Đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa;

- Đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia;

- Đội tuyển học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

(Đính kèm Phụ lục III)

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Mức chi theo ngày quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức chi cao nhất.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định hiện hành.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2021.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP.Cần Thơ;
- Lưu: VT,HĐ,250.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Phạm Văn Hiểu

Phụ lục I

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
I	**TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN**			
1	**Hội đồng/Ban Ra đề thi**			
1.1	Chủ tịch	Người/ngày	300	240
1.2	Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	260	208
1.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	210	168
1.4	Bảo vệ vòng trong 24h/24h	Người/ngày	210	168
1.5	Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	115	92
2	**Hội đồng/Ban In sao đề thi**			-
2.1	Trưởng ban	Người/ngày	300	240
2.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	260	208
2.3	Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	210	168

Số TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
2.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	115	92
3	**Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi**	Người/ngày	210	168
4	**Ban Chỉ đạo thi**			-
4.1	Trưởng ban	Người/ngày	350	280
4.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	315	252
4.3	Ủy viên; Thư ký	Người/ngày	280	224
4.4	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	115	92
5	**Hội đồng thi**			-
5.1	Chủ tịch	Người/ngày	350	280
5.2	Phó Chủ tịch	Người/ngày	315	252
5.3	Ủy viên	Người/ngày	280	224
6	**Ban Thư ký Hội đồng thi**			-
6.1	Trưởng ban	Người/ngày	300	240
6.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	250	200

Số TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	**Cấp quận, huyện**
6.3	Ủy viên	Người/ngày	210	168
7	**Hội đồng/Ban Coi thi**			-
7.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	265	212
7.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	260	208
7.3	Ủy viên, Thư ký, giám thị	Người/ngày	210	168
7.4	Công an, bảo vệ	Người/ngày	100	80
8	**Ban/Tổ làm phách**			-
8.1	Trưởng ban	Người/ngày	300	240
8.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	250	200
8.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	210	168
8.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	115	92
9	**Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban Phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi**			-
9.1	Trưởng ban	Người/ngày	300	240

Số TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
9.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	250	200
9.3	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	210	168
9.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	115	92
II	**TIỀN CÔNG XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT MA TRẬN ĐỀ THI VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ THI**			-
1	Chủ trì	Người/ngày	350	280
2	Các thành viên	Người/ngày	300	240
III	**TIỀN CÔNG XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI**			
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			-
1.1	Chủ trì	Người/ngày	350	280
1.2	Các thành viên	Người/ngày	300	240
2	Tiền công soạn thảo câu hỏi			
2.1	Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	35	28
2.2	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	30	24

Số TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	**Cấp quận, huyện**
2.3	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	25	20
2.4	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	18	14
2.5	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	5	4
3	**Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm**			
3.1	Chủ trì	Người/ngày	2.000	1.600
3.2	Các thành viên	Người/ngày	1.500	1.200
IV	**TIỀN CÔNG CHẤM BÀI THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**	Người/ngày	450	-

Phụ lục II

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
I	**CHI PHÍ THEO THỰC TẾ ĐỂ CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI**			
1	**Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi.**	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.		
2	**Sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác *(địa điểm, thiết bị, dụng cụ)* để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ**	Chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	**Cấp quận, huyện**
II	**CHI DỊCH TÀI LIỆU THAM KHẢO**	Trang	150	
III	**CHI TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP, HỘI THẢO, HỘI NGHỊ; CHI ĐI CÔNG TÁC ĐỂ THANH TRA, KIỂM TRA TRƯỚC, TRONG VÀ SAU KHI THI; CHI TIỀN Ở, ĐI LẠI CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI VÀ CHẤM THI (NẾU CÓ)**		Mức chi theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	
IV	**TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN** *(Theo quy chế, quy định, nội quy tổ chức của từng kỳ thi, cuộc thi, hội thi)*			
1	**Hội đồng/Ban ra đề thi**			
1.1	Chủ tịch	Người/ngày	270	210
1.2	Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	234	182
1.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	189	147

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	**Cấp quận, huyện**
1.4	Bảo vệ vòng trong 24h/24h	Người/ngày	189	147
1.5	Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	104	80
2	**Hội đồng/Ban in sao đề thi**			
2.1	Trưởng ban	Người/ngày	270	210
2.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	234	182
2.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	189	147
2.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	104	81
3	**Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi**	Người/ngày	189	147
4	**Ban Chỉ đạo thi/Ban Tổ chức**			
4.1	Trưởng ban	Người/ngày	315	245
4.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	284	221
4.3	Ủy viên; Thư ký	Người/ngày	252	196

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
4.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	104	81
5	**Hội đồng thi**			
5.1	Chủ tịch	Người/ngày	315	245
5.2	Phó Chủ tịch	Người/ngày	284	221
5.3	Ủy viên	Người/ngày	252	196
6	**Ban Thư ký Hội đồng thi**			
6.1	Trưởng ban	Người/ngày	270	210
6.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	225	175
6.3	Ủy viên	Người/ngày	189	147
7	**Hội đồng/Ban Coi thi**			
7.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	239	186
7.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	234	182
7.3	Ủy viên, Thư ký, giám thị	Người/ngày	189	147

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
7.4	Công an, bảo vệ	Người/ngày	90	70
8	**Ban/Tổ làm phách**			
8.1	Trưởng ban	Người/ngày	270	210
8.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	225	175
8.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	189	147
8.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	104	81
9	**Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban Phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi**			
9.1	Trưởng ban	Người/ngày	270	210
9.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	225	175
9.3	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	189	147
9.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	104	81

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
V	**CHI TIỀN ĂN, TIỀN GIẢI KHÁT GIỮA GIỜ CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG/BAN RA ĐỀ THI, HỘI ĐỒNG/BAN IN SAO ĐỀ THI, NHỮNG NGƯỜI LÀM PHÁCH TẬP TRUNG TRONG NHỮNG NGÀY LÀM VIỆC TẬP TRUNG CÁCH LY**			
1	**Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách**	Người/ngày	190	190
2	**Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)**	Người/ngày	140	140
3	**Tiền ăn đối với lực công an, bảo vệ, phục vụ khu vực cách ly**	Người/ngày	100	100
VI	**CHI TIỀN ĂN, TIỀN GIẢI KHÁT GIỮA GIỜ CHO CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI VÀ CHẤM THI (NẾU CÓ)**		140	140
VII	**TIỀN CÔNG RA ĐỀ THI**			
1	**Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi**	Ngày/người		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	**Cấp quận, huyện**
1.1	Chủ trì	Người/ngày	315	245
1.2	Các thành viên	Người/ngày	270	210
2	**Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận**	Đề	288	224
3	**Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm**			
3.1	Trắc nghiệm	Người/ngày	189	147
3.2	Tự luận	Người/ngày	315	245
VIII	**TIỀN CÔNG XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI**			
1	**Chi đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện câu trắc nghiệm**		Mức chi theo quy định tại Nghị quyết 11/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
2	**Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi**			
2.1	Chủ trì	Người/ngày	315	245
2.2	Các thành viên	Người/ngày	270	210
3	**Tiền công soạn thảo câu hỏi**			
3.1	Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	32	25
3.2	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	27	21
3.3	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	23	18
3.4	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	16	13
3.5	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	5	4
4	**Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm (Chủ trì, các thành viên)**			
4.1	Chủ trì	Người/ngày	1.800	1.400

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	**Cấp quận, huyện**
4.2	Các thành viên	Người/ngày	1.350	1.050
IX	**TIỀN CÔNG CHẤM BÀI THI TỰ LUẬN, BÀI THI NÓI VÀ BÀI THI THỰC HÀNH, BÀI THI TIN HỌC; TIỀN CÔNG CHẤM THI, CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI TRẮC NGHIỆM; TIỀN CÔNG CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI TỰ LUẬN; CHẤM THẨM ĐỊNH BÀI THI TỰ LUẬN**	Người/ngày	405	315
X	**TIỀN CÔNG CHO TỔ TRƯỞNG, TỔ PHÓ CÁC TỔ CHẤM THI**	Người/ngày	270	210

Phụ lục III

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
I	**TIỀN CÔNG RA ĐỀ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI ĐỀ THI TỰ LUẬN**			
1	Thi thử nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đề	320	
2	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông	Đề	365	-
3	Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quận huyện, cấp thành phố; Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố để chọn học sinh thi học sinh giỏi cấp quốc gia	Đề	730	584
II	**TIỀN CÔNG RA ĐỀ THI CHÍNH THỨC VÀ DỰ BỊ CÓ KÈM THEO ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM**			-
1	Thi thử nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông			
1.1	Trắc nghiệm	Người/ngày	210	-
1.2	Tự luận	Người/ngày	350	-
2	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông			

Số TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
1.1.	Trắc nghiệm	Người/ngày	240	-
1.2	Tự luận	Người/ngày	400	-
3	Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quận huyện, cấp thành phố; Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố để chọn học sinh thi học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	675	540
III	**TIỀN CÔNG CHẤM BÀI THI TỰ LUẬN, BÀI THI NÓI VÀ BÀI THI THỰC HÀNH, BÀI THI TIN HỌC; TIỀN CÔNG CHẤM THI, CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI TRẮC NGHIỆM; TIỀN CÔNG CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI TỰ LUẬN; CHẤM THẨM ĐỊNH BÀI THI TỰ LUẬN**			
1	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông	Người/ngày	300	-
2	Thi chọn học sinh giỏi cấp quận, huyện/thành phố các môn văn hóa	Người/ngày	1.100	900
3	Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố để chọn học sinh thi học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	1.430	-
IV	**CHI CHO CÔNG TÁC TẬP HUẤN CÁC ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HÓA; HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP QUỐC GIA; NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, KỸ THUẬT HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**			
1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	100	80

Số TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức tiền công *(Nghìn đồng)*	
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện
2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Tiết	280	224
3	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Tiết	375	300
4	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Tiết	100	80
5	Chi dịch tài liệu tham khảo (nếu có)	Trang	150	150
6	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho giáo viên (nếu có) và học sinh các đội tuyển	ngày	140	140
7	Chi tiền ở, đi lại trong nước giáo viên (nếu có) và học sinh các đội tuyển	Mức chi theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập		
8	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ tập huấn các đội tuyển	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định		